

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN NGÀNH SỬ PHẠM LỊCH SỬ TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

○ PHẠM ĐỨC THUẬN*

Trường Đại học (ĐH) Cần Thơ được thành lập từ năm 1966, tiền thân là Viện ĐH Cần Thơ, đây là trường ĐH đầu tiên ở Việt Nam áp dụng học chế tín chỉ (HCTC) trong đào tạo sinh viên (SV) (từ năm học 1967-1968). Tuy nhiên, từ năm học 2007-2008, SV các ngành nói chung, chuyên ngành sử phạm Lịch sử (SPLS) nói riêng mới chính thức học tập theo HCTC theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD-ĐT.

1. Những ưu điểm của HCTC trong đào tạo giáo viên lịch sử (GVLS)

1) *Phát huy tính tích cực chủ động trong học tập của SV:* Với chương trình đào tạo (CTĐT) theo HCTC, trong 4 năm, mỗi SV sẽ học từ 120 đến 136 tín chỉ (TC), như vậy, các em không phải lên lớp nhiều như trước đây, thay vào đó, SV có thể tìm hiểu các vấn đề, giải quyết các bài tập ở thư viện, ở nhà, thực hiện đề tài khoa học cấp trường cùng GV hướng dẫn. Khi học tập các học phần cụ thể, SV được gợi mở thêm nhiều vấn đề LS và có dịp trao đổi tìm hiểu thực tế, thảo luận môn học. Ví dụ, khi giảng dạy học phần *LS Việt Nam cổ trung đại 1* (Từ nguyên thủy đến 1427), GV có thể hướng dẫn SV tham quan bảo tàng Cần Thơ (thông qua một tiết thực tế chuyên môn ở địa phương) để tìm hiểu về Văn hóa Óc Eo, Văn hóa cổ Phù Nam; qua đó, hình thành tri thức LS cho SV... Đối với những học phần mang tính vùng miền như *LS khẩn hoang Nam bộ*, GV định hướng cho SV hướng nghiên cứu gắn với thực tiễn địa phương nơi SV sinh sống, hoặc cùng SV thực hiện những đề tài khoa học gắn liền với môn học như *Tính cách văn hóa của lưu dân người Việt* (qua khảo sát địa bàn tỉnh Sóc Trăng), *Ảnh hưởng của văn hóa Pháp đến kiến trúc tỉnh Hậu Giang và thành phố Cần Thơ...* bên cạnh đó, SV còn có thể viết bài tham dự các hội thảo khoa học cấp tỉnh như *Hội thảo về danh nhân Ngô Lợi...*, một số hội thảo

giáo dục học ở các trường ĐH và cao đẳng, qua đó SV có thể viết bài và gửi đăng ở tạp chí khoa học ngành, ki yếu...

Học tập theo HCTC giúp SV có thể phát huy tối đa khả năng của mình, đồng thời trang bị cho các em những kinh nghiệm thực tế quan trọng để các em ứng dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống; nhờ đó, việc học môn LS trở nên nhẹ nhàng, gần gũi hơn.

2) *Thay đổi vai trò của GV và SV:* HCTC quy định cụ thể thời gian lên lớp, thời gian tự học, số tiết quy định cho mỗi học kì; vì thế, trong quá trình học, SV tự sắp xếp thời khóa biểu sao cho hợp lí theo sự hướng dẫn của cố vấn học tập. Khi học tập một học phần, SV sẽ được trang bị những kiến thức nền tảng căn bản trong 1/3 thời gian học phần; thời gian còn lại SV sẽ tiến hành thảo luận nhóm và thực hiện các bài tập kiểm tra, thi cử, làm đề tài học phần... Theo đó, kiến thức LS sẽ được hình thành thông qua sự tích cực chủ động của SV dưới sự hướng dẫn của GV. Những học phần khó, trừu tượng như *LS quan hệ quốc tế, LS tư tưởng Việt Nam...* SV phải tích cực liên hệ, tìm kiếm tư liệu từ thư viện, trung tâm học liệu để giải quyết vấn đề GV đặt ra. GV có thể trông đợi vào một kết quả tốt đẹp và hài lòng với kết quả mà mình đã hướng dẫn, gợi mở.

3) *SV thường xuyên có điều kiện trau dồi kỹ năng sư phạm; nhờ đó, nghiệp vụ sư phạm ngày càng hoàn thiện.* Các kỹ năng dạy học như trình bày bảng, thuyết trình, kể chuyện, đặt vấn đề, sử dụng tranh ảnh, biểu bảng, số liệu... được thực hiện thường xuyên đối với các học phần *Rèn luyện nghiệp vụ SPLS, Thực tế chuyên môn LS, Tập giảng môn LS*, đặc biệt là 2 học phần *Kiến tập sư phạm và Thực tập sư phạm...* Nhờ đó, SV có điều kiện trau dồi nghiệp vụ sư phạm

* Trường Đại học Cần Thơ

và ngày càng hoàn thiện để khi bước vào đợt thực tập sư phạm sẽ không quá ngỡ ngàng và tự tin khi ra trường.

2. Những bất cập

1) *Sự bất cập từ CTĐT*: CTĐT mà Bộ GD-ĐT hướng dẫn xây dựng dù khoa học nhưng chưa thật sự phù hợp với tất cả các ngành đào tạo ĐH, cao đẳng. Riêng đối với ngành SPLS, việc xây dựng CTĐT này gặp rất nhiều khó khăn. Trước đây, các học phần phương pháp và RLNVSP có số lượng là 220 TC, nhưng hiện nay, theo chương trình mới, các học phần này đã bị cắt giảm, rút ngắn xuống còn 120 TC. Như vậy, nếu như trước đây, thời gian thực hành cho SV từ 3 đến 5 TC/học phần thì nay chỉ còn 1 đến 2 TC/học phần. SV sẽ có nhiều thời gian hơn để tự học nhưng đa số SV chưa tận dụng tối đa khoảng thời gian hữu ích này dành cho việc học tập và nghiên cứu khoa học, mà chủ yếu vẫn là tiêu khiển vào các hoạt động giải trí, vui thú cá nhân hoặc đơn giản là để «thời gian chết» một cách vô ích. Nếu các học phần chuyên môn bị cắt giảm hoặc loại bỏ sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến trình độ học vấn của SV. Không thể đào tạo một SV có kỹ năng sư phạm tốt nếu kiến thức chuyên môn của SV không thật sự vững vàng.

Cùng với việc giảng dạy theo HCTC, GV phải thực hiện nghĩa vụ giờ chuẩn theo quy chế của Bộ GD-ĐT từ 280 giờ chuẩn/năm (đối với GV có học vị cử nhân) đến 440 giờ chuẩn/năm (đối với GV chính, tiến sĩ) trong khi số TC đào tạo giảm; ngành sư phạm mỗi năm chỉ tuyển sinh khoảng 60 SV/lớp/khóa; do vậy, GV khó có thể sống với đồng lương của mình mà phải thực hiện các công tác khác ngoài giảng dạy để đủ giờ chuẩn và đảm bảo cuộc sống, từ đó, sao nhãng công việc, ảnh hưởng đến việc trau dồi chuyên môn, ảnh hưởng đến công tác đào tạo.

2) *SV ít có điều kiện tham quan thực tế, tìm hiểu thực tiễn ở trường phổ thông*: trừ những học phần kiến tập và thực tập, SV chưa có điều kiện nắm bắt thực tế ở trường phổ thông nhiều vì 1/3 thời gian phải dành để học các môn đại cương cơ bản. Vì thế, các học phần thực tế phải giảm hẳn để ưu tiên cho các học phần chuyên môn sâu. Ở các khoa sư phạm, do không có thời gian dành cho hoạt động tìm hiểu thực tế ở trường phổ thông nên SV ít khi có điều kiện tiếp xúc với hoạt động giảng dạy và công tác giáo viên chủ nhiệm. Đây là một trở ngại

rất lớn trong việc hình thành tay nghề sư phạm cho SV.

Đối với SV khoa SPLS, mỗi môn học chỉ gói gọn trong 1,5 tiết/TC thì GV không thể tổ chức cho SV đi thực tế địa phương quá xa vì sẽ ảnh hưởng đến tiến độ học tập. Việc không tiếp xúc, tìm hiểu cũng như không được tham quan, thực tế là hạn chế rất lớn trong công tác đào tạo GV LS.

3. Một số kiến nghị

1) *Nghiên cứu thực hiện khung CTĐT*: Từ học kỳ 1 năm học 2010-2011, căn cứ vào Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD-ĐT, việc thực hiện CTĐT thực hiện theo đúng hướng dẫn của Bộ; theo đó, chương trình mới quy định thời lượng đào tạo của SV chuyên ngành SPLS là 120 TC. Chúng tôi cho rằng, CTĐT thực hiện còn vội vã, chưa đồng bộ với đặc điểm của từng ngành nghề; mặt khác, thời lượng 120 TC là quá ít, không thể đáp ứng được yêu cầu về giảng dạy, học tập và RLNVSP; bởi vậy, nên điều chỉnh tăng số lượng TC từ 140 TC trở lên. Có lẽ, đây không phải là vấn đề quá lớn không thể khắc phục được, việc vận dụng một cách sáng tạo và khoa học trên cơ sở tham khảo lẫn nhau giữa các trường sư phạm sẽ phát huy rất nhiều tiềm năng của SV và cả GV.

2) *Tăng cường thời gian quản lý, giám sát các hoạt động tự học của SV*: Phương thức đào tạo theo TC rất coi trọng vai trò của SV. So với loại hình đào tạo trước đây, SV có nhiều thời gian hơn để vừa học, vừa nghiên cứu. Tuy nhiên, dường như chưa có biện pháp nào quản lý một cách hiệu quả thời gian không đến trường của SV. Điều này dẫn tới hệ quả là SV lãng phí trong việc sử dụng thời gian nhàn rỗi của mình vào việc chơi game hoặc học thêm một bằng ĐH khác; và thường thì SV chú ý vào ngành học thứ hai này hơn là ngành chính thức đang theo học, nếu không kiểm soát được tình trạng này sẽ tạo ra sức ỳ rất nặng nề đối với SV sư phạm; do đó, cần có biện pháp khắc phục tình trạng trên.

3) *Tăng cường mối liên hệ với các trường trung học phổ thông*: Hiện nay, mỗi khi đến đợt kiến tập, thực tập sư phạm, SV mới có dịp tiếp xúc với môi trường phổ thông. Tuy nhiên, với tổng thời gian khoảng 4 tháng/4 năm học (cho cả hai đợt kiến tập và thực tập sư phạm), khoảng thời gian đó là quá ít để SV được rèn luyện, nâng cao kỹ năng và tay nghề sư phạm.

Môi trường ở phổ thông muôn màu muôn vẻ và đòi hỏi mỗi SV, những GV tương lai phải nắm bắt sâu rộng nhiều vấn đề (cả về chuyên môn và phương pháp); do đó, việc tăng thời gian cho hoạt động ở trường phổ thông là một việc nên làm trong CTĐT hiện nay. Bên cạnh đó, GV sư phạm trong khi chờ đợi một sự thay đổi tích cực, cần chủ động thường xuyên liên hệ, trao đổi với các GV phổ thông để học hỏi, nắm bắt tình hình; trong điều kiện cho phép, GV có thể mời các thầy cô phổ thông đến trao đổi và góp ý cho SV trong các học phần rèn luyện cho SV.

4) Mỗi GV phải góp phần bồi dưỡng khả năng tự học, tích cực, sáng tạo cho SV. Phương pháp giảng dạy cũng như hình thức tổ chức lớp học, đánh giá của GV đều có tính định hướng cho SV trong học tập; vì thế, mỗi GV phải thật sự là những người có tâm huyết, mẫu mực về sư phạm cho SV, nếu GV làm tốt sẽ góp

phần định hướng cho SV phương pháp dạy học tích cực ở phổ thông, tin chắc rằng thực hiện tốt công tác này sẽ giúp cải thiện đáng kể tình trạng giáo dục ở khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

1. <http://www.dantri.com.vn>: “Nâng cao chất lượng môn Lịch sử cần giải pháp đa chiều”, trích ngày 5/8/2011.
2. <http://www.dantri.com.vn>: “Nguyên nhân khiến môn Lịch sử kém hấp dẫn”, trích ngày 18/7/2011.

SUMMARY

From 2007 to now, University of Can Tho deployment training program teaching the history of the industry credit system and has achieved good result; however, in the process of implementation remains the difficult problems and inadequacies. This article proposes some recommendations to improve the quality and effectiveness of teaching and learning pedagogy history major.

Bình đẳng giới trong phát triển...

(Tiếp theo trang 6)

các chế độ chính sách đối với nữ nhà giáo và lao động trong ngành.

- Sở GD-ĐT chỉ đạo các trường THPT thực hiện tốt công tác xây dựng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng đội ngũ cán bộ nữ giai đoạn 2011-2015 định hướng đến 2020; trong bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, chuyển chuyển CBQL luôn thực hiện nguyên tắc bình đẳng giữa nam và nữ; có kế hoạch bố trí, phân công công tác, tạo điều kiện để cán bộ nữ rèn luyện, phấn đấu và trưởng thành.

- Công đoàn ngành Giáo dục chỉ đạo công đoàn các trường thực hiện tốt việc bố trí cơ cấu cán bộ công đoàn là nữ làm chủ tịch công đoàn qua các kì đại hội. Đây cũng là lực lượng cán bộ nguồn của các đơn vị giáo dục.

- Thường xuyên quan tâm việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nữ nhà giáo về trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học, đặc biệt là kỹ năng lãnh đạo.

Bình đẳng giới trong QLGD đã và đang được cải thiện, tỉ lệ cán bộ nữ tham gia công tác quản lý ngày càng tăng, tuy nhiên chưa tương xứng với tỉ lệ lao động nữ trong ngành. Với truyền thống đạo

lí dân tộc Việt, với những phẩm chất ưu tú của phụ nữ Việt Nam, sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, cộng đồng và hơn cả là sự vươn lên mạnh mẽ của mỗi cá nhân, tình trạng mất cân bằng giới trong phát triển đội ngũ HT trường THPT công lập tỉnh Phú Thọ sẽ được cải thiện, góp phần quan trọng vào việc thực hiện thành công Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020, nâng cao vị thế người phụ nữ. □

Tài liệu tham khảo

1. Dự án SREM. *Tài liệu Hội thảo giới trong quản lí giáo dục.*
2. Đỗ Thị Bích Loan. “Bình đẳng giới trong giáo dục - những vấn đề cần quan tâm”. Tạp chí *Khoa học giáo dục*, số 67/2011.
3. Sở GD-ĐT Phú Thọ. *Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị (khóa X) về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*
4. *Chương trình hành động số 23-CTHĐ/TU ngày 06/6/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Thọ về công tác cán bộ nữ từ nay đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.*

SUMMARY

The participation of women in management in general and education management in particular is limited. This article refers to the gender equality in development of the Public high school's principal team in Phu Tho province.